



**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2**

Địa chỉ: Số 26 Phố Tân Viên, P. Thượng Lý, Q. Hồng Bàng, TP. Hải Phòng  
Nhà máy: Km35 Quốc lộ 10, Xã Quốc Tuấn, H. An Lão, TP. Hải Phòng  
Tel: (84-225) 3525.195 - 3824.984 Fax: (84-225) 3824.562  
Email: info@lilama69-2.com.vn Website: lilama69-2.com.vn



3 Số: ~~2.4.6~~.../TCKT 2018

Hải Phòng, ngày 14 tháng 08 năm 2018

(V/v: Công bố BCTC tổng hợp

6 tháng đầu năm 2018)

**Kính gửi:** - **ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**  
- **SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

1. Tên Công ty: **Công ty cổ phần Lilama 69-2**

2. Mã chứng khoán: **L62**

3. Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, P. Thượng Lý, Q. Hồng Bàng, TP. Hải Phòng

4. Điện thoại: 02253.525 195 Fax: 02253.824 562

5. Người thực hiện công bố thông tin: **Phùng Phương Linh**

6. Nội dung của thông tin công bố:

6.1 Báo cáo tài chính tổng hợp 6 tháng đầu năm 2018 của Công ty cổ phần Lilama 69-2 được soát xét bởi Công ty TNHH kiểm toán AFC Việt Nam bao gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

6.2 Công văn giải trình chênh lệch Doanh thu và Lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2018 và 6 tháng đầu năm 2017.

7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ Báo cáo tài chính: <http://www.lilama69-2.com.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Trân trọng!

**NGƯỜI ĐƯỢC UO CÔNG BỐ THÔNG TIN**



**Phùng Phương Linh**

**Nơi nhận:**

- Như k.gửi,

- Lưu.



**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2**

Địa chỉ: Số 26 Phố Tân Viên, P. Thượng Lý, Q. Hồng Bàng, TP. Hải Phòng  
Nhà máy: Km35 Quốc lộ 10, Xã Quốc Tuấn, H. An Lão, TP. Hải Phòng  
Tel: (84-225) 3525.195 - 3824.984 Fax: (84-225) 3824.562  
Email: info@lilama69-2.com.vn Website: lilama69-2.com.vn



4 Số: ~~2.47~~.../TCKT 2018

Hải Phòng, ngày 14 tháng 08 năm 2018

(V/v: Giải trình chênh lệch KQ SXKD tổng hợp 6 tháng đầu năm 2018 và 6 tháng đầu năm 2017)

**Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

1. Tên Công ty: **Công ty cổ phần Lilama 69-2**
2. Mã chứng khoán: **L62**
3. Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, P. Thượng Lý, Q. Hồng Bàng, TP. Hải Phòng
4. Điện thoại: 0313.525 195 Fax: 0313.824 562
5. Người thực hiện công bố thông tin: **Phùng Phương Linh**
6. Nội dung : (Giải trình chênh lệch kết quả SXKD tổng hợp 6 tháng đầu năm 2018 và 6 tháng đầu năm 2017). Thực hiện Thông tư số 155/2015/TT-BCT ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài Chính, Công ty cổ phần LILAMA69-2 xin giải trình như sau:  
- Một số chỉ tiêu:

Chỉ tiêu	6 tháng đầu năm 2018 (VND)	6 tháng đầu năm 2017 (VND)	So sánh
Doanh thu thuần	191.670.638.376	160.146.836.878	119,68%
Lợi nhuận sau thuế	1.037.685.977	987.783.785	105,05%

- Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần LILAMA69-2 trong 6 tháng đầu năm 2017 và 6 tháng đầu năm 2016 tương đối ổn định, không có các thay đổi lớn. Công ty cổ phần LILAMA69-2 là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây lắp. Doanh thu, chi phí và lợi nhuận chung của Công ty chịu ảnh hưởng bởi tiến độ và giai đoạn nghiệm thu của từng hợp đồng. Do đó việc ghi nhận doanh thu, chi phí và lợi nhuận tại các thời điểm là khác nhau nên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh giữa các quý có sự chênh lệch.

Trên đây là một số nguyên nhân dẫn đến chênh lệch kết quả sản xuất kinh doanh tổng hợp giữa 6 tháng đầu năm 2017 và 6 tháng đầu năm 2016 của Công ty cổ phần LILAMA69-2.

7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ Báo cáo tài chính: <http://www.lilama69-2.com.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về nội dung thông tin công bố.

**Trân trọng!**

**NGƯỜI ĐƯỢC UỶ QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN**



**Nơi nhận:**

- Như k. gửi,
- Lưu.

**Phùng Phương Linh**

# **CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2**

**Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã được soát xét**

**Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2018**

# MỤC LỤC

STT	NỘI DUNG	Trang
1	<b>Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc</b>	2 - 4
2	<b>Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ</b>	5
3	<b>Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã được</b>	
	<i>Bảng cân đối kế toán</i>	6 - 7
	<i>Báo cáo kết quả hoạt động</i>	8
	<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</i>	9
	<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp</i>	10 - 32



## **CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2**

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

### **BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

---

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Lilama 69-2 trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2018.

#### **1. Thông tin chung**

Công ty Cổ phần LILAMA 69.2 được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước tiền thân là Công ty lắp máy và xây dựng 69.2. Công ty hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0200155547 đăng ký thay đổi lần 7 ngày 29 tháng 12 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 020015547 ngày 29/12/2017, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là hoạt động xây lắp.

Trụ sở chính của Công ty tại số 26 phố Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty là 82.982.430.000 đồng (Tám mươi hai tỷ, chín trăm tám mươi hai triệu, bốn trăm ba mươi nghìn đồng).

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 020015547 ngày 29/12/2017 ngành nghề kinh doanh của Công ty gồm:

- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Lắp đặt hệ thống cấp nước, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Bán buôn xi măng, bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại; Bán buôn kim loại và quặng kim loại: Bán buôn sắt, thép;
- Rèn, dập, ép và cán kim loại, bột kim loại;
- Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng, vận tải đường ống;
- Cho thuê máy móc thiết bị nông, lâm nghiệp; cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng; Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng; Cho thuê xe có động cơ;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Xây dựng công trình công nghiệp, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật, khu công nghiệp;
- Thi công, lắp đặt đường dây và trạm biến áp đến 220KV; Xây dựng công trình giao thông;
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại; Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại: sơn mạ thiết bị kết cấu thép;
- Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng; Trang trí nội, ngoại thất công trình; Xây dựng nhà các loại;
- Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp; Sản xuất máy móc, thiết bị lọc bụi; Lắp đặt hệ thống điện;
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị, thiết bị điện tử và quang học; Sửa chữa thiết bị điện;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác);
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ; Bốc xếp hàng hóa;

## **CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2**

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

### **BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

---

#### **2. Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc**

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm 2018 và cho đến ngày lập báo cáo này gồm:

##### **Các thành viên của Hội đồng quản trị bao gồm**

Ông Trương Đức Thành	Chủ tịch hội đồng quản trị
Ông Vũ Kế Chương	Thành viên hội đồng quản trị
Ông Đỗ Tiến Thành	Thành viên hội đồng quản trị
Ông Trần Xuân Trường	Thành viên hội đồng quản trị
Bà Lê Thị Minh	Thành viên hội đồng quản trị

##### **Các thành viên Ban Tổng Giám đốc bao gồm**

Ông Vũ Kế Chương	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Cường	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Xuân Trường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Giám Hiệu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Hóa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Tiến Thành	Phó Tổng Giám đốc

#### **Đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ kế toán và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Vũ Kế Chương chức vụ Tổng Giám đốc.

#### **3. Đánh giá tình hình kinh doanh**

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm.

#### **4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

#### **5. Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - chi nhánh Phía Bắc được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Công ty.

#### **6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.



## CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

### **BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

#### **7. Phê duyệt các báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ**

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2018, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



**Vũ Kế Chương**  
**Tổng Giám đốc**

Hải Phòng, ngày 13 tháng 8 năm 2018

Số: 044/2018/BCSXTH-PB.00081

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Lilama 69-2

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Lilama 69-2 (sau đây gọi là “Công ty”), được lập ngày 13 tháng 8 năm 2018, từ trang 6 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/6/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Lilama 69-2 tại ngày 30/06/2018, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



ÔNG THẾ ĐỨC

Giám đốc

Giấy CNDKHNT số 0855-2018-009-1

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM - CHI NHÁNH PHÍA BẮC**

Hà Nội, ngày 13 tháng 8 năm 2018



**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2**

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
			VND	VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>508.755.685.664</b>	<b>485.623.554.563</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	5.1	<b>27.696.733.861</b>	<b>8.312.191.299</b>
1. Tiền	111		27.696.733.861	8.312.191.299
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>316.280.943.901</b>	<b>285.845.652.278</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	269.067.997.308	255.264.383.951
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		27.917.356.343	16.943.378.311
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	26.708.622.689	21.050.922.455
7. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(7.413.032.439)	(7.413.032.439)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>163.457.184.548</b>	<b>186.357.266.725</b>
1. Hàng tồn kho	141	5.4	163.457.184.548	186.357.266.725
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.320.823.354</b>	<b>5.108.444.261</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.5.a	437.145.914	544.533.417
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		883.677.440	4.364.225.504
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	199.685.340
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>106.439.904.925</b>	<b>106.789.674.775</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>2.101.810.598</b>	<b>2.063.361.253</b>
3. Phải thu dài hạn khác	216	5.3	2.101.810.598	2.063.361.253
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>79.225.854.011</b>	<b>83.081.326.706</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	78.269.073.897	81.306.935.616
- Nguyên giá	222		164.306.324.497	162.652.915.358
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(86.037.250.600)	(81.345.979.742)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.8	956.780.114	1.774.391.090
- Nguyên giá	225		1.251.374.545	2.326.865.454
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(294.594.431)	(552.474.364)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.6	-	-
- Nguyên giá	228		935.731.847	935.731.847
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(935.731.847)	(935.731.847)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	5.9	<b>19.803.131.570</b>	<b>16.280.050.603</b>
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		19.803.131.570	16.280.050.603
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>5.309.108.746</b>	<b>5.364.936.213</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.5.b	5.309.108.746	5.364.936.213
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>615.195.590.589</b>	<b>592.413.229.338</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2**

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>504.987.965.234</b>	<b>483.069.156.214</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>483.068.042.221</b>	<b>457.454.807.359</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	149.841.195.114	153.202.909.677
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		71.255.824.216	14.770.130.074
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11a	4.602.738.112	4.205.427.027
4. Phải trả người lao động	314		6.120.260.640	4.910.950.721
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.12	20.553.792.858	19.418.710.847
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	570.000.000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.13	7.773.259.673	13.283.197.245
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.14	221.827.200.005	246.173.843.911
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.093.771.603	919.637.857
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>21.919.923.013</b>	<b>25.614.348.855</b>
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.14	21.919.923.013	25.614.348.855
<b>III. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>110.207.625.355</b>	<b>109.344.073.124</b>
<b>1. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.15</b>	<b>110.207.625.355</b>	<b>109.344.073.124</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		82.982.430.000	82.982.430.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu	411a		82.982.430.000	82.982.430.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		36.462.273	36.462.273
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		20.692.851.386	19.996.316.398
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		3.434.956.890	3.434.956.890
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.060.924.806	2.893.907.563
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		2.023.238.829	2.023.238.829
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.037.685.977	870.668.734
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>615.195.590.589</b>	<b>592.413.229.338</b>



**Vũ Kế Chương**  
**Tổng Giám đốc**

Hải Phòng, ngày 13 tháng 8 năm 2018

**Trần Thị Hương**  
**Kế toán trưởng**

**Trần Thị Hợi**  
**Người lập**



**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2**

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2018

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2018	2017
			VND	VND
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>6.1</b>	<b>191.670.638.376</b>	<b>160.146.836.878</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>191.670.638.376</b>	<b>160.146.836.878</b>
<b>4. Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>6.2</b>	<b>171.933.425.324</b>	<b>140.753.351.506</b>
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>19.737.213.052</b>	<b>19.393.485.372</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	52.446.997	82.215.769
7. Chi phí tài chính	22	6.4	12.487.331.385	10.053.695.718
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>12.284.114.714</i>	<i>10.028.241.356</i>
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	7.577.063.427	8.357.266.330
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>(274.734.763)</b>	<b>1.064.739.093</b>
11. Thu nhập khác	31	6.6	6.910.964.412	207.295.794
12. Chi phí khác	32	6.7	5.284.925.250	40.279.919
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>1.626.039.162</b>	<b>167.015.875</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>1.351.304.399</b>	<b>1.231.754.968</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	313.618.422	243.971.183
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>1.037.685.977</b>	<b>987.783.785</b>
<b>18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>6.9</b>	<b>125</b>	<b>172</b>
<b>19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>71</b>		<b>125</b>	<b>172</b>



**Vũ Kế Chương**  
**Tổng Giám đốc**

Hải Phòng, ngày 13 tháng 8 năm 2018

**Trần Thị Hường**  
**Kế toán trưởng**

**Trần Thị Hợi**  
**Người lập**

**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2**

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2018

Chỉ tiêu	Mã số	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
		2018 VND	2017 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	251.146.814.108	231.285.472.175
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2	(140.285.849.231)	(181.032.600.026)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	(40.684.440.367)	(36.607.792.550)
4. Tiền lãi vay đã trả	4	(12.047.294.457)	(6.944.041.770)
5. Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp	5	(666.314.366)	(273.680.668)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	2.336.975.097	19.208.209.850
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(8.371.671.309)	(32.249.253.981)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>51.428.219.475</b>	<b>(6.613.686.970)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(4.037.007.929)	(2.294.468.000)
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	17.128.356	24.766.539
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(4.019.879.573)</b>	<b>(2.269.701.461)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ	31	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	74.066.121.381	128.379.953.068
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(101.847.569.807)	(117.659.006.740)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(259.621.322)	(259.621.338)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(28.041.069.748)</b>	<b>10.461.324.990</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>19.367.270.154</b>	<b>1.577.936.559</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>8.312.191.299</b>	<b>3.119.137.379</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	17.272.408	3.691.466
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>27.696.733.861</b>	<b>4.700.765.404</b>



**Vũ Kế Chương**  
**Tổng Giám đốc**

Hải Phòng, ngày 28 tháng 7 năm 2018

**Trần Thị Hương**  
**Kế toán trưởng**

**Trần Thị Hợi**  
**Người lập**



## CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2018

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

#### 1. Đặc điểm hoạt động

##### 1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần LILAMA 69.2 được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước tiền thân là Công ty lắp máy và xây dựng 69.2. Công ty hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0200155547 đăng ký thay đổi lần 7 ngày 29 tháng 12 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại số 26 phố Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty là 82.982.430.000 đồng, tổng số cổ phần là 8.298.243 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

##### 1.2 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo đăng ký là:

- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Lắp đặt hệ thống cấp nước, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Bán buôn xi măng, bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Bán buôn sắt, thép;
- Rèn, dập, ép và cán kim loại, bột kim loại;
- Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng, vận tải đường ống;
- Cho thuê máy móc thiết bị nông, lâm nghiệp; cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng; Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng; Cho thuê xe có động cơ;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Xây dựng công trình công nghiệp, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật, khu công nghiệp;
- Thi công, lắp đặt đường dây và trạm biến áp đến 220KV; Xây dựng công trình giao thông;
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại; Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại; sơn mạ thiết bị kết cấu thép;
- Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng; Trang trí nội, ngoại thất công trình; Xây dựng nhà các loại;
- Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bóc xếp; Sản xuất máy móc, thiết bị lọc bụi; Lắp đặt hệ thống điện;
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị, thiết bị điện tử và quang học; Sửa chữa thiết bị điện;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác);
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ; Bóc xếp hàng hóa;

##### 1.3 Cấu trúc của Công ty

Tại ngày 30/6/2018, công ty có 01 chi nhánh hạch toán độc lập, cụ thể:

<u>Tên Chi nhánh</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Chi nhánh Công ty cổ phần Lilama 69-2 - Xí nghiệp lắp máy và xuất nhập khẩu	Quận Hồng Bàng - thành phố Hải Phòng	Xây lắp



## CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2018

---

#### 2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

#### 3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

##### 3.1 Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, các thông tư về việc hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quyết định ban hành chuẩn mực kế toán Việt Nam, các thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính năm.

##### 3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán:

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

#### 4. Các chính sách kế toán áp dụng

##### 4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

##### 4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

##### 4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

##### 4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung hoặc chi phí liên quan khác, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất...) của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.



## CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2018

---

#### 4.5 Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi

Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán thực hiện theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính cụ thể như sau:

- + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: Căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

#### 4.6 Tài sản cố định và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao áp dụng theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

#### 4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn.

Chi phí trả trước dài hạn là chi phí phân bổ công cụ dụng cụ có giá trị lớn, giá trị còn lại của những tài sản có nguyên giá dưới 30 triệu theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25/04/2013. Các chi phí này phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng. Thời gian phân bổ theo quy định hiện hành.

#### 4.8 Vốn chủ sở hữu

##### Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông/thành viên/chủ sở hữu.

##### Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.



## CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2018

---

#### **Vốn khác của chủ sở hữu**

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

#### **Cổ phiếu quỹ**

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

#### **4.9 Ghi nhận doanh thu**

##### Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch giao hàng.

##### Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

##### Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên theo thông báo lãi của ngân hàng, vào thời điểm ngân hàng chuyển tiền vào tài khoản của Công ty.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

#### **4.10 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay phát sinh tại Công ty bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp.

Chi phí đi vay phát sinh trong năm được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng cho mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2**

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

**Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2018**

---

#### **4.11 Thuế**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành;

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp;

#### **4.12 Công cụ tài chính**

##### **Tài sản tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn khác.

##### **Nợ phải trả tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả phải nộp khác và các khoản vay ngắn hạn, dài hạn.

##### **Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

##### **Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ cho nhau trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận và Công ty có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

#### **4.13 BÊN LIÊN QUAN**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2**

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2018

**5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán****5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	337.395.867	815.061.701
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	27.359.337.994	7.497.129.598
<b>Cộng</b>	<b>27.696.733.861</b>	<b>8.312.191.299</b>

**5.2 Phải thu khách hàng**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
<b>Phải thu của khách hàng ngắn hạn là các bên không liên quan</b>	<b>214.111.267.511</b>	<b>216.874.353.649</b>
- C.ty CP Xây Lắp Đường ống Bể Chứa Dầu Khí (H.đồng 43 ngày 22/4/2015)	1.374.628.682	1.374.628.682
- Công ty CP luyện thép cao cấp Việt Nhật	6.396.741.030	-
- C.ty TNHH OLYMPIA (HĐ: 2011/2014/HĐ/OLP-Lilama 69-2)	657.457.000	657.457.000
- Công ty TNHH xây dựng dân dụng Olympia HĐ 99/2016	7.378.849.081	7.378.849.081
- Công ty cổ phần xi măng Sài Sơn	14.826.781.929	9.315.613.815
- Rennah Services Sdn Bhd	15.370.337.740	-
- Công ty CP công nghiệp tàu thủy Đông Bắc HĐ 01/2015/HĐKT/DBS-LILAMA Công ty TNHH CT dịch vụ khai thác Trung Quốc - VPĐH CT tại Quảng Ninh HĐ 020	13.706.575.637	13.706.575.637
- Công ty TNHH xây dựng công nghiệp Olympia HĐ 616 - KS Accor Sapa	2.234.454.521	4.178.885.365
- Công ty CP cơ khí và lắp máy Việt Nam - COLAVI - HĐ 160801 ngày 01/08/2016	23.091.424.902	30.456.135.158
- Khách hàng khác	24.833.398.500	33.288.478.432
- Khách hàng khác	104.240.618.489	116.517.730.479
<b>Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b>	<b>54.956.729.797</b>	<b>38.390.030.302</b>
- Tổng công ty Lắp máy Việt Nam	54.956.729.797	38.390.030.302
<b>Cộng</b>	<b>269.067.997.308</b>	<b>255.264.383.951</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2**

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2018

**Nợ xấu**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
- Công ty dệt kim Hải Phòng	71.340.916	-	71.340.916	-
- Contrexim - khu phụ trợ XMHP	503.168.506	-	503.168.506	-
- Nguyễn Hữu Dân	8.648.000	-	8.648.000	-
- Công ty cổ phần dệt may xuất khẩu Hải Phòng	3.530.030.467	-	3.530.030.467	-
- Công trình Đúc Tân Long	3.028.418.120	-	3.028.418.120	-
- Contrexim - CT cảng Cái Lân	27.826.530	-	27.826.530	-
- Nhà máy thức ăn gia súc thái Bình	18.194.000	-	18.194.000	-
- Cột phát sóng ăng ten Cát Bà	12.000.000	-	12.000.000	-
- Ông Hoàng Thế Bách	13.815.000	-	13.815.000	-
- Công ty công nghiệp tàu thủy Ngô Quyền Hải Phòng	199.590.900	-	199.590.900	-
	<b>7.413.032.439</b>		<b>7.413.032.439</b>	

**5.3 Các khoản phải thu khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>26.708.622.689</b>	-	<b>21.050.922.455</b>	-
- Ký cược, ký quỹ	6.553.995.809	-	2.388.067.978	-
- Phải thu khác	1.721.627.228	-	1.664.751.515	-
- Tạm ứng	18.432.999.652	-	16.998.102.962	-
<b>Dài hạn</b>	<b>2.101.810.598</b>	-	<b>2.063.361.253</b>	-
- Ký cược, ký quỹ	2.101.810.598	-	2.063.361.253	-
<b>Cộng</b>	<b>28.810.433.287</b>	-	<b>23.114.283.708</b>	-

**5.4 Hàng tồn kho**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	12.449.748.158	-	13.958.140.695	-
Công cụ, dụng cụ	1.700.778.693	-	1.057.518.702	-
Chi phí SXKD dở dang	149.306.657.697	-	171.341.607.328	-
Hàng hóa	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>163.457.184.548</b>	-	<b>186.357.266.725</b>	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2**

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2018

**5.5 Chi phí trả trước**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>437.145.914</b>	<b>544.533.417</b>
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	115.070.160	166.533.417
- Chi phí thuê mặt bằng	322.075.754	378.000.000
<b>b. Dài hạn</b>	<b>5.309.108.746</b>	<b>5.364.936.213</b>
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn	94.602.179	91.123.595
- Các khoản khác	5.214.506.567	5.273.812.618
<b>Cộng</b>	<b>5.746.254.660</b>	<b>5.909.469.630</b>

**5.6 Tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm máy vi tính VND	TSCĐ vô hình khác VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số đầu năm	-	935.731.847	935.731.847
Số cuối kỳ	-	935.731.847	935.731.847
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>			
Số đầu năm	-	935.731.847	935.731.847
Số cuối kỳ	-	935.731.847	935.731.847
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Số đầu năm	-	-	-
Số cuối kỳ	-	-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2**

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2018

**5.7 Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ HH khác	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>NGUYỄN GIÁ</b>						
Số đầu năm	77.035.500.907	45.556.978.487	39.504.127.134	556.308.830	-	162.652.915.358
- Mua trong năm	-	567.918.230	-	-	-	567.918.230
- Mua lại tài sản thuê tài chính	-	1.085.490.909	-	-	-	1.085.490.909
Số cuối kỳ	77.035.500.907	47.210.387.626	39.504.127.134	556.308.830	-	164.306.324.497
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Số đầu năm	21.598.293.925	24.690.982.972	34.645.140.778	411.562.067	-	81.345.979.742
- Khấu hao trong năm	1.638.159.936	1.274.465.140	1.360.027.432	15.309.324	-	4.287.961.832
- Mua lại tài sản thuê tài chính	-	403.309.026	-	-	-	403.309.026
Số cuối kỳ	23.236.453.861	26.368.757.138	36.005.168.210	426.871.391	-	86.037.250.600
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Số đầu năm	55.437.206.982	20.865.995.515	4.858.986.356	144.746.763	-	81.306.935.616
Số cuối kỳ	53.799.047.046	20.841.630.488	3.498.958.924	129.437.439	-	78.269.073.897

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay:

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

65.528.630.706 đồng  
36.618.342.681 đồng

**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2**

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2018

**5.8 Tài sản cố định thuê tài chính**

	Phương tiện vận tải truyền dẫn <u>VND</u>	Thiết bị dụng cụ quản lý <u>VND</u>	Cộng  <u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số đầu năm	1.251.374.545	1.075.490.909	2.326.865.454
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	(1.075.490.909)	(1.075.490.909)
Số cuối kỳ	<u>1.251.374.545</u>	<u>-</u>	<u>1.251.374.545</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>			
Số đầu năm	216.383.519	336.090.845	552.474.364
- Khấu hao trong năm	78.210.912	67.218.181	145.429.093
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	(403.309.026)	(403.309.026)
Số cuối kỳ	<u>294.594.431</u>	<u>-</u>	<u>294.594.431</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Số đầu năm	<u>1.034.991.026</u>	<u>1.411.581.754</u>	<u>1.774.391.090</u>
Số cuối kỳ	<u>956.780.114</u>	<u>-</u>	<u>956.780.114</u>

**5.9 Tài sản dở dang**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá đánh giá lại VND	Giá gốc VND	Giá đánh giá lại VND	Giá gốc VND
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>		-		-
Các dự án đầu tư nâng cao năng lực Công ty năm 2016 trở về trước	10.368.296.005	10.368.296.005	10.145.868.869	10.145.868.869
Dự án đầu tư nâng cao năng lực Công ty năm 2017	9.022.742.462	9.022.742.462	6.134.181.734	6.134.181.734
Dự án đầu tư nâng cao năng lực Công ty năm 2018	412.093.103	412.093.103	-	-
<b>Cộng</b>	<u>19.803.131.570</u>	<u>19.803.131.570</u>	<u>16.280.050.603</u>	<u>16.280.050.603</u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2**

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2018

**5.10 Phải trả người bán**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>92.698.697.570</b>	<b>92.698.697.570</b>	<b>98.805.962.633</b>	<b>98.805.962.633</b>
- Công ty CP Thương Mại và Dầu Tư Thành Phúc	3.224.554.415	3.224.554.415	3.410.904.327	3.410.904.327
- Công ty cổ phần cơ khí và lắp máy Việt Nam - COLAVI - HD 160801 ngày 01/08/2016	14.773.098.104	14.773.098.104	14.773.098.104	14.773.098.104
- Công ty CP Thương Mại Thái Giang	2.173.709.391	2.173.709.391	2.294.831.806	2.294.831.806
- Phải trả khác	72.527.335.660	72.527.335.660	78.327.128.396	78.327.128.396
<b>b) Phải trả người bán là các bên liên quan</b>	<b>57.142.497.544</b>	<b>57.142.497.544</b>	<b>54.396.947.044</b>	<b>54.396.947.044</b>
- Tổng Công ty lắp máy Việt Nam Cộng	57.142.497.544	57.142.497.544	54.396.947.044	54.396.947.044
	<b>149.841.195.114</b>	<b>149.841.195.114</b>	<b>153.202.909.677</b>	<b>153.202.909.677</b>

**5.11 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Số cuối kỳ	
	Giá trị VND	Số phải nộp trong năm VND	Giá trị VND	Số cuối kỳ VND
<b>a. Thuế và các khoản phải nộp</b>	<b>4.205.427.027</b>	<b>3.302.553.801</b>	<b>2.905.242.716</b>	<b>4.602.738.112</b>
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	757.903.591	2.451.856.415	2.091.525.650	1.118.234.356
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.981.459.286	381.947.672	666.314.366	2.697.092.592
- Thuế thu nhập cá nhân	466.064.150	326.071.114	4.724.100	787.411.164
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	138.678.600	138.678.600	-
- Các loại thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2**

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2018

**5.12 Chi phí phải trả**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>20.553.792.858</b>	<b>19.418.710.847</b>
- Trích trước chi phí công trình	18.767.458.176	17.869.451.892
- Trích trước lãi vay phải trả	1.786.334.682	1.549.258.955
<b>b) Dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>20.553.792.858</b>	<b>19.418.710.847</b>

**5.13 Các khoản phải trả, phải nộp khác**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>7.773.259.673</b>	<b>13.283.197.245</b>
- Kinh phí công đoàn	2.367.780.495	2.251.676.313
- Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế	2.464.423.131	2.672.311.737
- Bảo hiểm thất nghiệp	473.874.903	240.733.379
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.467.181.144	8.117.792.750
<b>b) Dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>7.773.259.673</b>	<b>13.283.197.245</b>







## CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2018

#### 5.14 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp)

(1) Vay Ngân hàng SHB Hải Phòng theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 33/2017/HĐHM-PN/SHB 110400 ngày 15/7/2017, thời hạn vay là 12 tháng, hạn mức vay tối đa là 200 tỷ đồng. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, lãi suất vay theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản quy định trong hợp đồng thế chấp số 391/14.BĐ/133.PTV ngày 19/3/2014; Hợp đồng số 733.KD/09.TCTS ngày 30/12/2008; Hợp đồng số 203.KD/09.TCTS ngày 23/3/2009; Hợp đồng số 1075/12.BĐ/346.NA ngày 30/5/2014; Hợp đồng số 0502/2013/TCQĐN/SHB.HP ngày 04/2/2013; Hợp đồng số SHB5L2004/2011/TCQĐN/SHBHP ngày 27/4/2011; Hợp đồng số 2406/2012/TCQĐN/SHBHP ngày 04/6/2012; Hợp đồng 5607/2013/TCQĐN/SHBHP ngày 30/7/2013; Hợp đồng số 7810/2013/TCQĐN/SHBHP ngày 17/10/2013; Hợp đồng số 10507/2015/HĐTC-QĐN/SHB 110400 ngày 05/7/2014; Hợp đồng số 392A/14/BĐ/134.PTV ngày 19/3/2014 và bổ sung các phụ lục hợp đồng số 5805/2015/TCQĐN/SHB110400/PL08 ngày 16/6/2016, phụ lục hợp đồng số 17811/2014/TCQĐN/SHB 110400/PL07 ngày 16/6/2016, phụ lục SHB5L2004/2011/TCQĐN/SHB-HP/PL09 ngày 16/6/2016, phụ lục hợp đồng số 0502/2014/TCQĐN/SHB-HP/PL 16 ngày 16/6/2016, phụ lục hợp đồng s4303/2014/HĐTC-PN/SHB-HP/PL 04 ngày 16/6/2016, phụ lục hợp đồng 203.KD/09.TCTS/2014/PLHĐ-06 ngày 16/6/2016, phụ lục hợp đồng số 8005/2014/HĐTC-PN/SHB 110400/PL03 ngày 16/6/2016, phụ lục hợp đồng 4203.02/2014/HĐTC-PN/SHB-HP/PL03 ngày 16/6/2016, phụ lục hợp đồng 4203.02/2014/HĐTC-PN/SHB-HP/PL02 ngày 16/6/2016, phụ lục hợp đồng 733.KD/08.TCTS/2014/PLHĐ-05 ngày 16/6/2016.

(2) Vay Ngân hàng TMCP An Bình - CN Hải Phòng theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 3169/17/TD-TT/XI ngày 25/6/2017, thời hạn vay 12 tháng, hạn mức vay tối đa là 150 tỷ đồng. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, lãi suất vay theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản và quyền đòi nợ quy định trong hợp đồng thế chấp số số 1393/14/TC/XI ngày 24/10/2014, Hợp đồng 2358/15/TC-TT/XI ngày 25/6/2015, hợp đồng số 3161/15/TC-TT/XI ngày 23/7/2015, hợp đồng số 2749/15TC-TT/XI ngày 23/7/2015, hợp đồng số 3197/TC-TT/XI ngày 23/7/2015, hợp đồng số 15/15/TC/XI ngày 23/7/2015, hợp đồng số 6160/15/TC-TT/XI ngày 08/12/2015, hợp đồng số 6500/15/TC-TT/XI ngày 15/12/2015, hợp đồng số 6716/15/TC-TT/XI ngày 22/12/2015, hợp đồng số 875/16/TC-TT/XI ngày 15/3/2016, hợp đồng số 1463/16/TC-TT/XI ngày 06/4/2016, Hợp đồng số 1795/16/TC-TT/XI ngày 25/4/2016, hợp đồng số 1838/16/TC-TT/XI ngày 05/5/2016, hợp đồng số 2907/16/TC-TT/XI ngày 23/6/2016, hợp đồng số 3697/16/TC-TT/XI ngày 25/7/2016, hợp đồng số 6745/16/TC-TT/XI ngày 30/11/2016, hợp đồng số 3000/16/TC-TT/XI ngày 23/6/2016.

(3) Vay Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Hải Phòng theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 130626.17.257.1339407.TD ngày 06/09/2017, thời hạn cấp tín dụng đến ngày 31/07/2018, hạn mức tín dụng là 85 tỷ đồng, trong đó hạn mức cho vay là 35 tỷ đồng, hạn mức bảo lãnh là 50 tỷ đồng. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, lãi suất vay theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản công ty CP Lilama 69-2 đang nắm giữ đó là máy cần trục thủy lực bánh xích Model QUY 150C mua của công ty CP khoa học sản xuất mỏ, hóa đơn GTGT số 0092201 ngày 08/08/2008.

(4) Khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hải Phòng bao gồm các hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng tín dụng số SHB13L2306/2009/HĐT/TDH-DN/SHBHP ngày 18/6/2009; Mục đích vay để mua sắm thiết bị thi công; thời hạn vay là 54 tháng; lãi suất thả nổi, điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần; Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ nguồn vốn vay.

- Hợp đồng tín dụng số SHB14L2106/2009/HĐT/TDH-DN/SHBHP ngày 18/6/2009; Mục đích vay để đầu tư Nhà máy chế tạo thiết bị lọc bụi tĩnh điện; thời hạn vay là 90 tháng; lãi suất thả nổi điều chỉnh định kỳ 6 tháng/lần; Tài sản đảm bảo là toàn bộ nhà xưởng, máy móc thiết bị của dự án hình thành sau đầu tư.



## CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2018

---

<sup>(5)</sup>Vay Ngân hàng TMCP Quân đội – CN Hải Phòng theo Hợp đồng tín dụng số 141.15.257.1339407.TD ngày 03/9/2015; thời hạn vay là 36 tháng, lãi suất thả nổi. Mục đích vay để thanh toán tiền đầu tư máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải phục vụ hoạt động SXKD. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản hình thành từ nguồn vốn vay.

Hợp đồng tín dụng số 64877.16.257.1339407.TD ngày 30/9/2016, thời hạn vay là 36 tháng, lãi suất thả nổi. Mục đích vay để đầu tư nâng cao năng lực sản xuất năm 2016. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản hình thành từ nguồn vốn vay.

Hợp đồng cho vay số 133024.17.257.1339407.TD ngày 28/06/2017, thời hạn cho vay là 48 tháng, số tiền cho vay là 14 tỷ đồng. Mục đích vay để tài trợ trung hạn đầu tư sửa chữa, xây mới văn phòng – nhà xưởng và đầu tư máy móc thiết bị, lãi suất vay theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay.

<sup>(6)</sup> Thuê tài chính của Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính NH TMCP Ngoại thương Việt Nam theo các Hợp đồng sau:

+ Hợp đồng thuê tài chính số 12.15.02/CTTC ngày 04/3/2015, thời hạn 36 tháng, số tiền gốc tính cho thuê 1.183.040.000 đồng., tỷ lệ cho thuê: 70% giá trị tài sản tương đương 828.128.000 đồng. Mục đích: phục vụ sản xuất kinh doanh. Lãi suất: bằng lãi suất cho thuê cơ bản đồng Việt Nam do Công ty Cho thuê tài chính - NH TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố vào thời điểm thanh toán cộng biên độ 3,6%/năm.

+ Hợp đồng thuê tài chính 43.16.01/CTTC ngày 11/8/2016, thời hạn 48 tháng, số tiền gốc tính cho thuê 972.800.000 đồng. Mục đích: phục vụ sản xuất kinh doanh. Lãi suất: bằng lãi suất cơ bản đồng Việt Nam do Công ty cho thuê tài chính – NHTMCP Ngoại thương Việt Nam công bố vào thời điểm thanh toán cộng biên độ 2,3%.

**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2**

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2018

**5.15 Vốn chủ sở hữu****5.15.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Chênh lệch tỷ giá hối đoái		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ khác thuộc VCSH		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>01/01/2018</b>	<b>82.982.430.000</b>	<b>36.462.273</b>	-	-	-	-	19.996.316.398	-	3.434.956.890	2.893.907.563	109.344.073.124	-	-	-
- Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.037.685.977	1.037.685.977	-	-	1.037.685.977
- Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-	696.534.988	-	-	-	696.534.988	-	-	696.534.988
- Tăng khác	-	-	-	-	-	41.339.759	-	-	-	-	41.339.759	-	-	41.339.759
- Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	870.668.734	870.668.734	-	-	870.668.734
- Giảm khác	-	-	-	-	-	41.339.759	-	-	-	-	41.339.759	-	-	41.339.759
<b>30/6/2018</b>	<b>82.982.430.000</b>	<b>36.462.273</b>	-	-	-	-	<b>20.692.851.386</b>	-	<b>3.434.956.890</b>	<b>3.060.924.806</b>	<b>110.207.625.355</b>	-	-	-

(\*) Phân phối lợi nhuận năm 2017 theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 số 130/NQ-ĐHĐCĐ 2018 ngày 19/5/2018:

- Trích quỹ đầu tư phát triển:	696.534.988	đồng
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi:	174.133.746,00	đồng
Tổng cộng	870.668.734	đồng



**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2**

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2018

**5.15.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Cổ đông	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
- Tổng Công ty lắp máy Việt Nam	37.305.150.000	37.305.150.000
- Vốn góp của cổ đông khác	45.677.280.000	45.677.280.000
<b>Cộng</b>	<b>82.982.430.000</b>	<b>82.982.430.000</b>

**5.15.3 Cổ phiếu**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	CP	CP
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.298.243	8.298.243
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.298.243	8.298.243
+ Cổ phiếu phổ thông	8.298.243	8.298.243
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.298.243	8.298.243
+ Cổ phiếu phổ thông	8.298.243	8.298.243
* <i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

**6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh****6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
	2018	2017
	VND	VND
<b>a) Doanh thu</b>	<b>191.670.638.376</b>	<b>160.146.836.878</b>
- Doanh thu hoạt động xây lắp	170.481.445.772	121.528.622.950
- Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ khác	21.189.192.604	38.618.213.928
<b>Cộng</b>	<b>191.670.638.376</b>	<b>160.146.836.878</b>

**6.2 Giá vốn hàng bán**

	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
	2018	2017
	VND	VND
- Giá vốn hoạt động xây lắp	151.425.611.720	103.036.426.950
- Giá vốn bán hàng hóa, dịch vụ khác	20.507.813.604	37.716.924.556
<b>Cộng</b>	<b>171.933.425.324</b>	<b>140.753.351.506</b>

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
	2018	2017
	VND	VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	14.163.953	25.025.762
- Lãi chênh lệch tỷ giá	5.681.356	5.011.035
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	32.601.688	52.178.972
<b>Cộng</b>	<b>52.446.997</b>	<b>82.215.769</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2**

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2018

**6.4. Chi phí tài chính**

	<b>6 tháng đầu năm 2018 VND</b>	<b>6 tháng đầu năm 2017 VND</b>
- Chi phí lãi vay	12.284.114.714	10.028.241.356
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	31.171.522	25.454.362
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	172.045.149	
- Chi phí tài chính khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>12.487.331.385</b>	<b>10.053.695.718</b>

**6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>6 tháng đầu năm 2018 VND</b>	<b>6 tháng đầu năm 2017 VND</b>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	371.391.180	501.059.548
- Chi phí nhân công	5.587.843.430	6.118.177.060
- Chi phí khấu hao TSCĐ	310.748.557	395.248.164
- Thuế, phí, lệ phí	123.537.500	108.648.063
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	104.086.249	4.859.964
- Chi phí khác bằng tiền	1.079.456.511	1.229.273.531
<b>Cộng</b>	<b>7.577.063.427</b>	<b>8.357.266.330</b>

**6.6. Thu nhập khác**

	<b>6 tháng đầu năm 2018 VND</b>	<b>6 tháng đầu năm 2017 VND</b>
- Vật tư thu hồi	439.956.582	29.379.180
- Hao phí phát sinh tính vào công nợ khách hàng	-	157.526.614
- Các khoản khác	-	20.390.000
- Tiền hỗ trợ giải phòng mặt bằng	5.159.950.000	
- Các khoản khác	1.311.057.830	-
	<b>6.910.964.412</b>	<b>207.295.794</b>

**6.7. Chi phí khác**

	<b>6 tháng đầu năm 2018 VND</b>	<b>6 tháng đầu năm 2017 VND</b>
- Các khoản bị phạt	68.329.250	40.279.919
- Các khoản chi phí khác	5.216.596.000	-
	<b>5.284.925.250</b>	<b>40.279.919</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2**

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2018

**6.8. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	6 tháng đầu năm 2018 VND	6 tháng đầu năm 2017 VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>1.351.304.399</b>	<b>1.231.754.968</b>
<b>Các khoản chi phí không được khấu trừ</b>	<b>249.389.399</b>	<b>40.279.919</b>
- Các khoản chi phí (phạt)	68.329.250	40.279.919
- Chi phí không hợp lý, hợp lệ	9.015.000	
- Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	172.045.149	-
<b>Trừ các khoản thu nhập không chịu thuế</b>	<b>32.601.688</b>	<b>52.178.972</b>
- Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	32.601.688	52.178.972
<b>Tổng thu nhập chịu thuế trong năm</b>	<b>1.568.092.110</b>	<b>1.219.855.915</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>313.618.422</b>	<b>243.971.183</b>

**6.9. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu***Lãi cơ bản trên cổ phiếu:*

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	1.037.685.977	987.783.785
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	8.298.243	5.741.817
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)</b>	<b>125</b>	<b>172</b>

*Lãi suy giảm trên cổ phiếu:*

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	1.037.685.977	987.783.785
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	8.298.243	5.741.817
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến phát hành thêm (CP)	-	-
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/CP)</b>	<b>125</b>	<b>172</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2**

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2018

**6.10 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	6 tháng đầu năm 2018 VND	6 tháng đầu năm 2017 VND
Chi phí nguyên vật liệu	89.097.049.538	43.305.352.484
Chi phí nhân công	36.590.889.867	39.072.130.953
Khấu hao tài sản cố định	4.433.390.925	4.444.598.212
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.186.870.942	32.122.992.728
Chi phí bằng tiền khác	11.167.337.848	10.048.040.061
<b>Cộng</b>	<b>157.475.539.120</b>	<b>128.993.114.438</b>

**6.11 Công cụ tài chính****Quản lí rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty vừa có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các Công ty thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ đã trình bày tại Bảng cân đối kế toán, phần vốn thuộc sở hữu của Công ty bao gồm vốn góp và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu được trình bày tại Thuyết minh số 4.12.

**Các loại công cụ tài chính**

	Số cuối kỳ VND	Giá trị ghi sổ Số đầu năm VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	27.696.733.861	8.312.191.299
Phải thu khách hàng và phải thu khác	297.878.430.595	278.378.667.659
<b>Cộng</b>	<b>325.575.164.456</b>	<b>286.690.858.958</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	243.747.123.018	271.788.192.766
Phải trả người bán và phải trả khác	152.308.376.258	161.320.702.427
Chi phí phải trả	20.553.792.858	19.418.710.847
<b>Cộng</b>	<b>416.609.292.134</b>	<b>452.527.606.040</b>
<b>Trạng thái ròng</b>	<b>(91.034.127.678)</b>	<b>(165.836.747.082)</b>

Tại ngày 30/6/2018 Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và Nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc này. Thông tư số 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra



## CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2018

hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

#### Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và vận hành các chính sách nhằm kiểm soát rủi ro (phát hiện, ngăn ngừa và hạn chế ảnh hưởng của các rủi ro).

#### Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa và giá khác như giá cổ phiếu. Mục tiêu của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát mức độ rủi ro trong giới hạn chấp nhận được trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận.

#### Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó.

Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các khoản nợ phải trả tài chính theo thời hạn thanh toán. Số liệu trình bày trên cơ sở dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
<b>Số cuối kỳ</b>			
Vay và nợ ngắn hạn	221.827.200.005	21.919.923.013	243.747.123.018
Phải trả người bán và phải trả khác	152.308.376.258	-	152.308.376.258
Chi phí phải trả	20.553.792.858	-	20.553.792.858
<b>Cộng</b>	<b>394.689.369.121</b>	<b>21.919.923.013</b>	<b>416.609.292.134</b>
<b>Số đầu năm</b>			
Vay và nợ ngắn hạn	246.173.843.911	25.614.348.855	271.788.192.766
Phải trả người bán và phải trả khác	161.320.702.427	-	161.320.702.427
Chi phí phải trả	19.418.710.847	-	19.418.710.847
<b>Cộng</b>	<b>426.913.257.185</b>	<b>25.614.348.855</b>	<b>452.527.606.040</b>

Bảng sau đây trình bày chi tiết tài sản tài chính theo mức đáo hạn. Số liệu được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu.

**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2**

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2018

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
<b>Số cuối kỳ</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	27.696.733.861	-	27.696.733.861
Phải thu khách hàng và phải thu khác	295.776.619.997	2.101.810.598	297.878.430.595
<b>Cộng</b>	<b>323.473.353.858</b>	<b>2.101.810.598</b>	<b>325.575.164.456</b>
<b>Số đầu năm</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.312.191.299	-	8.312.191.299
Phải thu khách hàng và phải thu khác	276.315.306.406	2.063.361.253	278.378.667.659
<b>Cộng</b>	<b>284.627.497.705</b>	<b>2.063.361.253</b>	<b>286.690.858.958</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**6.12. Báo cáo bộ phận***Báo cáo bộ phận chính yếu: Theo lĩnh vực kinh doanh*

	Hoạt động xây lắp	Hoạt động khác	Tổng cộng toàn DN
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	170.481.445.772	21.189.192.604	191.670.638.376
Khấu hao và chi phí phân bổ	3.943.279.477	490.111.448	4.433.390.925
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	922.969.773	114.716.204	1.037.685.977
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	567.918.230	-	567.918.230
Tài sản bộ phận	615.195.590.589	-	615.195.590.589
<b>Tổng tài sản</b>	<b>615.195.590.589</b>	-	<b>615.195.590.589</b>
Nợ phải trả bộ phận	504.987.965.234	-	504.987.965.234
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>504.987.965.234</b>	-	<b>504.987.965.234</b>

*Báo cáo bộ phận thứ yếu: Theo lĩnh vực địa lý*

	Miền Bắc	Miền Nam, Miền Trung, Tây Nguyên	Tổng cộng toàn DN
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	191.670.638.376	-	191.670.638.376
Tài sản bộ phận	615.195.590.589	-	615.195.590.589
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	567.918.230	-	567.918.230

**6.13 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
<b>c) Ngoại tệ các loại</b>		
- USD	95.671,71	1.103,74
- EUR	469,64	485,27



**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2**

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2018

**7 Thông tin khác****7.1 Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Đến thời điểm phát hành Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

**7.2 Thông tin về các bên liên quan**

	<b>6 tháng đầu năm 2018 VND</b>	<b>6 tháng đầu năm 2017 VND</b>
<b>Thu nhập của ban Tổng Giám đốc</b>	<b>504.041.936</b>	<b>717.416.000</b>
Tiền lương, thưởng, phụ cấp Ban tổng Giám đốc	504.041.936	717.416.000

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan, các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

<b>Các bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>	<b>Nội dung nghiệp vụ</b>	<b>Giá trị giao dịch (VND)</b>
Tổng Công ty lắp máy Việt Nam	Cổ đông lớn	Doanh thu thực hiện	40.520.948.235
		Chi phí mua vật tư	49.986.975.412

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

<b>Các bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>	<b>Nội dung nghiệp vụ</b>	<b>Phải thu/(Phải trả)</b>
Tổng Công ty lắp máy Việt Nam	Cổ đông lớn	Phải thu khách hàng	38.390.030.302
		Phải trả người bán	(54.396.947.044)

**7.3 Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - chi nhánh Phía Bắc



**Vũ Kế Chương**  
**Tổng Giám đốc**

Hải Phòng, ngày 13 tháng 8 năm 2018

**Trần Thị Hương**  
**Kế toán trưởng**

**Trần Thị Hợi**  
**Người lập**